BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TS2

Hà Nội, Ngày 23 tháng 09 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 3
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Cập nhật đên 15h30' ngày 23/9/2015)

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
1	14	KHA008153	LÊ THANH	14/07/1997	Nam	163410660	2NT		Nam Định	Huyện Xuân	TO	4.25	VA	6	N1	2.5	0	12.75	1	13.75	ts_CLH	21/09/2

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
1	12	SPH001593	TRỊNH THẾ ANH	20/04/1997	Nam	013512437	2	06	Hà Nội	Huyện Đông Anh	TO	8.25	LI	7.5	HO	9.5		25.25	1.5	26.75	ts_CLH	21/09/2015 15:49
2	9	TLA002137	KIỀU VĂN CÔNG	29/10/1997	Nam	168561124	2NT		Hà Nam	Huyện Kim Bảng	TO	2.5	VA	5.5	N1	3.25	0	11.25	1	12.25	ts_CLH	21/09/2015 08:49
3	8	HVN001793	ĐỖ VĂN DUY	15/08/1994	Nam	163290619	2NT		Nam Định	Huyện Nghĩa Hưng	TO	3.75	LI	4.5	HO	6.75		15	1	16	ts_CLH	21/09/2015 08:48
4	7	TLA006583	NGUYỄN TIẾN HƯNG	27/07/1997	Nam	168561220	2NT		Hà Nam	Huyện Kim Bảng	TO	4.75	VA	4.25	N1	3.25	0	12.25	1	13.25	ts_CLH	21/09/2015 08:47

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
1	10	THP001770	NGUYỄN HỒNG CÔNG	29/10/1997	Nam	142798815	2NT		Hải Dương	Huyện Thanh Hà	TO	5	LI	4.5	HO	4.5		14	1	15	ts_CLH	21/09/2015 09:06
2	6	KQH001985	NGUYỄN TRUNG DU	26/08/1997	Nam	163454142	2NT		Nam Định	Huyện Hải Hậu	TO	3.75	VA	5	N1	3.25	0	12	1	13	ts_CLH	18/09/2015 14:31
3	5	KQH002279	PHẠM VĂN DŨNG	13/07/1997	Nam	00109700686	2		Hà Nội	Huyện Mê Linh	TO	6.25	LI	5.75	HO	4.25		16.25	0.5	16.75	ts_CLH	16/09/2015 15:47

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
1	3	SPH003366	LÃ HỮU DUY	15/10/1996	Nam	164581106	2NT		Ninh Bình	Huyện Yên Mô	TO	6	LI	5.75	HO	5.5		17.25	1	18.25	ts_CLH	15/09/2015 16:02
2	13	KHA002127	TRẦN VĂN ĐẠI	10/02/1997	Nam	163437748	2NT		Nam Định	Huyện Xuân Trường	TO	4	LI	6.25	HO	4.75		15	1	16	ts_CLH	21/09/2015 16:12
3	1	YTB009389	ĐÀM TRỌNG HÙNG	16/04/1995	Nam	145601239	2NT		Hưng Yên	Huyện Khoái Châu	TO	3	LI	4.5	HO	4.5		12	1	13	ts_CLH	14/09/2015 08:54
4	4	LNH007386	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	16/01/1995	Nam	017094306	2		Hà Nội	Huyện Mỹ Đức	TO	6.75	LI	4.5	HO	4.25		15.5	0.5	16	ts_CLH	16/09/2015 15:46

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có ƯT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
1	11	KQH002673	HOÀNG NGỌC ĐẠI	18/09/1997	Nam	MI010004504	2		Hà Nội	Huyện Đan Phượng	TO	3	LI	4.5	HO	5.75		13.25	0.5	13.75	ts_CLH	21/09/2015 13:50
2	2	TLA012882	NGUYỄN XUÂN THẮNG	10/03/1997	Nam	013380139	3		Hà Nội	Quận Ba Đình	TO	6.5	VA	6.75	N1	2.5	0	15.75	0	15.75	ts_CLH	15/09/2015 08:43